

Tài liệu tham khảo:

1. Ban tuyên giáo Trung Ương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2007), *Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong hội nhập WTO*.
2. Luật công vụ Vương quốc Anh, 2006.
3. Học viện Hành chính (2012), *Giáo trình Đạo đức công vụ*, NXB KH&KT, H;
4. Học viện Hành chính QG (2007), *Giáo trình Tổ chức nhân sự hành chính nhà nước*, NXB KH&KT, H;
5. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2008), *Giáo trình Quản lý nhân sự*. NXB Kinh tế quốc dân, H;

6. Hồ Chí Minh (1975), *Về vấn đề cán bộ*, NXB Sự thật, H.
7. Hồ Chí Minh (1995), *Sửa đổi lối làm việc*, NXB Sự thật, H.
8. [Http://www.vietnamnet.vn](http://www.vietnamnet.vn)
9. Viện Khoa học Thanh tra (2004), *Cơ chế giám sát kiểm toán và thanh tra ở Việt Nam*, NXB Tư pháp, H.
10. David Ma (2006), *Thay đổi văn hóa công vụ Việt Nam, Hội nghị quốc tế về CCHC tại Hà Nội, Việt Nam, từ ngày 25 - 26/11/2006, Bộ Nội vụ*.
11. *Điểm báo số 35/2014, Viện KHTCNN, Bộ Nội vụ*.

Thực thi quyền lực nhà nước ở cơ sở - Những nội dung cơ bản

TS. Cao Anh Đô – Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

1. Đặc điểm của chính quyền cơ sở

Hệ thống 4 cấp của quản lý hành chính nhà nước của nước ta hiện nay gồm: Trung ương - tỉnh, thành phố - quận, huyện và xã. Bốn cấp quản lý này được tổ chức theo một hệ thống dọc. Từ trên xuống sẽ là trung ương - địa phương và cơ sở. Nếu nhìn dưới lên sẽ là cơ sở - địa phương và toàn quốc. Đó chính là tác động hai chiều làm nổi bật vai trò đặc biệt quan trọng của cơ sở. Nói đến chính quyền nhà nước ở cơ sở là nói đến chính quyền cấp xã. Xã là một khái niệm hành chính ở cơ sở, ổn định và cố định ở nông thôn.

Cơ sở nhìn chiều từ trên xuống, xét về quy mô và cấp độ tổ chức là cấp thấp nhất, cấp cuối cùng. Cũng có thể coi cấp cơ sở, cấp xã là cấp nhỏ nhất. Nếu trung ương và toàn quốc được xem là một chỉnh thể, hệ thống của cái vĩ mô, đứng đầu là nhà nước trung ương. Cơ sở thường được xem là cái vi mô, là một tế bào, một phần tử hợp thành của cái vĩ mô - cả nước và toàn quốc như một cơ thể sống.

Xét theo quan hệ quyền lực, quyền hạn,

chức trách của tổ chức nhà nước, cấp cơ sở xã là thấp nhất, nhỏ nhất. Chính quyền cấp xã cũng như hệ thống chính trị cấp xã đương nhiên chịu sự chỉ đạo, kiểm soát của cấp trên, từ Huyện, Tỉnh tới Trung ương. Cái nhỏ nhất, thấp nhất đó còn được minh chứng bởi quy mô diện tích, địa giới hành chính và số lượng dân cư mà xã quản lý.

Vấn đề là ở chỗ, cái thấp nhất và nhỏ nhất của cấp xã không vì thế mà đồng nhất nó với cái kém quan trọng nhất, cái thuộc về trình độ thấp nhất đành rằng nó là cấp chịu nhiều thiệt thòi nhất của các điều kiện hoạt động so với các cấp khác trên nó. Sự đồng nhất giản lược này dù không bao giờ thành văn nhưng trên thực tế vẫn thường diễn ra trong tâm lý, ý thức, trong nhận thức của không ít cán bộ các cấp các ngành kể cả cán bộ cấp trên lẫn cán bộ ngay ở trong cơ sở xã. Nó biểu hiện thành tâm lý chủ quan, coi thường lẫn tâm lý tự ti, mặc cảm.

Cái nhỏ nhất không phải bao giờ cũng là cái ít quan trọng nhất. Tính chất, tầm quan trọng

của mỗi cấp độ quản lý không phải do định lượng mà do định tính, chức năng và nhiệm vụ của nó quy định. Cấp cơ sở cũng là những đầu mối công việc, những quan hệ nhiều chiều, ngang dọc, trên dưới đan xen trong một môi trường sinh động, một không gian xác định, những quyền hành và trách nhiệm cần thực thi, nơi bộc lộ trực tiếp, cụ thể của một chính quyền, một chế độ. Lãnh đạo, quản lý ở cấp thấp không có nghĩa là chất lượng thấp, phải có cái nhìn khoa học về vấn đề này trong cách nhìn, cách tư duy, cách yêu cầu đối với chính quyền cấp xã. Cái gọi là “bộ phận” “vi mô” của cấp xã phải được quan niệm một cách biện chứng trong mối tương quan của nó với chính thể quản lý nhà nước và xã hội, chính thể của bản thân nó, tự nó đã là một chính thể trong hoạt động, vận hành, tổ chức và điều chỉnh dù nó là một bộ phận hợp thành cơ thể sống nhà nước, một cấu kiện tạo nên toà nhà xã hội.

Xã là một địa bàn chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, nơi có cả cộng đồng dân cư hàng nghìn, hàng vạn con người sinh sống. “Cái xã hội” và “cái nhà nước” thu nhỏ ấy, trong hình thái của xã đã làm cho xã là vi mô nhưng có ý nghĩa vĩ mô khi nó hàng ngày, hàng giờ phải lo chuyện an sinh, an ninh, đoàn kết, đồng thuận và hoà hợp để phát triển cho hàng nghìn, hàng vạn con người ở cộng đồng dân cư cơ sở. Xã là một tế bào làm nên sự sống của chính cơ thể nó và đem lại sự sống cho cả cơ thể lớn hơn là xã hội. Chính vì vậy nên nội lực, tiềm lực và sinh lực của xã là rất quan trọng.

Xã với tư cách là cơ sở nhìn từ dưới lên thì nó là nền tảng của nhà nước và xã hội. Đây chính là nơi diễn ra hoạt động sống của cư dân, trước hết là của nông dân, những người chuyên sản xuất lương thực, thực phẩm để nuôi sống toàn xã hội. Sự ổn định của xã hội được bắt đầu từ cơ sở, đó là tiền đề của sự phát triển; thường thì sự không bình yên của thể chế đều bắt đầu từ chỗ lòng dân không yên, quy luật quản lý muôn đời là có dân thì có tất cả, mất dân thì mất tất cả... Thuận lòng dân được nhìn một cách rõ nhất, trực tiếp nhất là từ những người dân cơ sở, những người được xem là cội nguồn quốc tuý Việt Nam,

phải xuất phát từ đây thì mọi hoạt động quản lý của các cấp mới triển khai có hiệu quả.

Cho đến nay, nước ta vẫn là một nước nông nghiệp. Nước ta hiện có hơn 11.000 xã, phường, thị trấn trong đó số xã là gần 9.000, số hộ nông dân chiếm trên 70% dân số cả nước. Hàng năm nhà nước phải chi từ ngân sách trung ương và địa phương một khoản phụ cấp rất lớn nhưng còn bất cập, không đủ đáp ứng những nguyện vọng thiết thực của người cán bộ cơ sở.

Cơ sở xã còn là nơi chứng thực đường lối, chính sách, luật pháp của Đảng và Nhà nước đi vào cuộc sống và được triển khai cụ thể ra sao, bởi chính sách dù khoa học, đúng đắn đến đâu thì cũng chỉ là những khả năng khoa học, là chủ quan của một phía từ những nghiên cứu, chưa đủ để khẳng định hiệu quả nếu không đưa vào thực tiễn cơ sở phong phú, phải được vật chất hoá ở đời sống người dân, phải được thể chế hoá chặt chẽ qua hoạt động của cơ sở. Cấp xã, cấp cơ sở là cấp hành động, cấp hoạt động, tổ chức thực hiện đường lối chính sách, nghị quyết của Đảng và Nhà nước. Cán bộ cơ sở phải là người có năng lực giỏi, cò xát và sáng tạo để tập hợp được dân, tạo nên phong trào hoạt động tự quản của toàn dân, hướng vào phát triển chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, họ phải thực sự là những người tận tâm, tận lực, gương mẫu, “thật thà nhúng tay vào việc”, “nói đi đôi với làm”, “biết vận động dân cho đúng và cho khéo”, “không để sót một người nào”, “phải thực sự óc nghĩ, mắt nhìn, tai nghe, miệng nói, chân đi, tay làm” để cho “dân tin tưởng, dân yêu mến, dân giúp đỡ, dân ủng hộ, dân bảo vệ” (Hồ Chí Minh).

Cơ sở quan trọng là vậy và nó càng có ý nghĩa hơn khi là lực lượng quan trọng, đại diện cho quyền lực nhà nước nhằm phát huy được hiệu quả của hoạt động tự quản mà ở đây chỉ có thể nói đến là thôn (làng, ấp, bản), từ đây mới thể hiện được “chính quyền ở trong lòng dân” nhằm phát huy những gì là nội lực nội sinh của người dân cơ sở, bởi thực chất “chủ quyền thuộc về nhân dân cùng nhau giao các chức năng và quyền quản lý cho

chính quyền, chứ chính quyền không tự thân có các chức năng và các quyền”. Vậy nên thế trận lòng dân là ở chính quyền cấp xã trong việc nuôi dưỡng và phát huy sức dân. Cũng từ đây cần đề phòng và tránh các nhận thức không đúng về xã, coi thường cấp xã, cán bộ xã là không đúng hoặc mặt khác lại tuyệt đối hoá tầm quan trọng của xã, giao đủ mọi việc, đùn đẩy xuống xã những trách nhiệm vốn không thuộc của xã mà xã cũng không quán xuyên hết được. Cách làm ấy của cấp trên vô tình mở đường cho xã, khiến cho xã lại đùn đẩy việc xuống thôn, xóm và tự biện luận rằng "thôn là cánh tay nối dài của xã". Hậu quả là nó tiếp tục kéo dài tình trạng lộn xộn, chức năng nhiệm vụ không được thực hiện đúng, gây cản trở rất lớn đến hoạt động sống của người dân, cuối cùng hậu quả người dân phải chịu, dân cơ sở không được phát huy hoạt động tự quản của mình mà trái lại thành chỗ "bị quản", dân chủ biến thành "quan chủ".

2. Hoạt động của chính quyền cơ sở đối với cộng đồng dân cư ở địa bàn quản lý

- Đưa ra các biện pháp phù hợp để người dân có điều kiện tham gia quản lý nhà nước, đảm bảo người dân thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ công dân. "Trách nhiệm trong tổ chức chính quyền phải được quy định rõ ràng và các lĩnh vực hoạt động phải được phân biệt rạch ròi".

- Hướng dẫn người dân trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống của cộng đồng; thực hiện nếp sống văn minh trong xóm làng để người dân tăng cường thêm chất lượng cuộc sống; phát huy tinh đoàn kết của mọi người, tương thân, tương ái, đề cao những nghĩa cử cao đẹp của những cá nhân trong cộng đồng. Trên cơ sở đó giúp người dân thực hiện tốt các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước.

- Định hướng các biện pháp góp phần bảo vệ tài sản nhà nước; giúp dân xác định được tầm quan trọng của tài sản công, những vật thể và phi vật thể của đất nước như môi trường thiên nhiên, rừng, biển, sông, hồ, danh lam, thắng cảnh, đền chùa, miếu mạo, đê điều, nguồn nước, đường dây tải điện, ngõ xóm,

đường làng cần được giữ gìn để người dân hiểu được đó là lợi ích thiết thân của mình, gia đình mình và xã hội, cần giữ gìn và góp phần xây dựng những tài sản đó ngày càng phát triển, ngày càng tăng lên về số lượng và chất lượng thì mới đáp ứng được yêu cầu của chính cộng đồng mình sinh sống.

- Nhà nước cần tạo ra một hành lang thông thoáng và có trật tự trong những vấn đề nhìn vào tưởng chừng như là cục bộ, cá nhân, chia rẽ; đó là các vấn đề về dòng tộc, họ mạc, gia đình. Bởi đó chính là truyền thống văn hoá của dân tộc ta, nó sẽ trở thành nguồn lực khi được nhân lên đúng cách, trên cái nền đó nhà nước muốn hướng người dân cộng đồng vào đời sống sản xuất; xây dựng các công trình công cộng, phát triển các phong trào khuyến học. Giữa họ mạc, giữa xóm làng; giữa các làng nghề; giữa các hợp tác xã... xét đến cùng cũng chính là các tổ chức ở cộng đồng dân cư, từ đây người dân mới có sự thi đua tạo nên những kết quả khích lệ. Vô hình chung lúc này nhà nước đã phát huy tác dụng "bàn tay hữu hình" của mình. Sự quản lý của nhà nước ở đây chính là sự quản lý trên những điều kiện sẵn có của người dân để khơi dậy những sức mạnh nội lực của dân, phát huy những thế mạnh mà nhà nước không có nhưng nó không vượt ngoài tầm điều chỉnh của chính sách, chiến lược chung của quốc gia.

- Nhà nước đề ra những biện pháp chung, để góp phần bảo vệ trật tự, trị an trên địa bàn. Trên cơ sở thông luật chung thì người dân mới đề ra được những biện pháp cụ thể phù hợp với điều kiện sống của mình. Đặc biệt cần có những biện pháp, phương tiện, nhân lực cần thiết, kịp thời để hỗ trợ người dân, hỗ trợ những tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư như: Ban an ninh xóm; ban kiến thiết, tổ bảo vệ sản xuất, tổ hoà giải, khi những vụ việc vượt quá tầm phòng chống của người dân cộng đồng, để người dân không thấy mình cô độc "nước xa không cứu được lửa gần".

- Hướng dẫn chung về việc ban hành các hương ước, quy ước hay quy chế; quy định ở các làng, thôn, xóm. Vì các hình thức "Luật làng" này là hoàn toàn độc lập và thậm chí là

khác hẳn với các quy định của pháp luật. Nếu không có hướng dẫn chung và có những biện pháp xử lý của nhà nước thì sẽ dẫn đến những thái quá trong hành xử của một số người dân hoặc một số cán bộ ở cơ sở theo kiểu “phép vua thua lệ làng” dẫn đến những tiêu cực đáng tiếc. Bởi thực tế các quy định ngày nay của cộng đồng dân cư là trên cơ sở thảo luận, đồng thuận với nhau, không đặt ra các biện pháp xử phạt nặng nề xâm phạm đến tính mạng, sức khoẻ, danh dự, tài sản nhân phẩm. Vì vậy nên có những việc mà cộng đồng dân cư “dĩ hoà vi quý” đánh vào “tâm”, dùng sức mạnh của dư luận; của huyết thống dòng tộc để răn dạy, để ràng buộc thì nhìn trên bình diện chung những việc đó lại vi phạm pháp luật nhà nước. Chính vì vậy, vai trò của nhà nước là ngay từ khi soạn thảo các hình thức “luật làng” trên cần có sự hướng dẫn cụ thể trên cơ sở phù hợp với điều kiện của mỗi xóm làng, mỗi cộng đồng dân cư ở cơ sở.

3. Những nội dung để xây dựng và củng cố chính quyền cơ sở

Tháng 10 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết “Chúng ta phải hiểu rằng các cơ quan của chính phủ từ toàn quốc đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung của dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật”

“Các công việc của Chính phủ là phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu cầu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy”. Chính quyền cơ sở chính là nơi thể hiện cụ thể nhất tinh thần đó.

- Các cải cách công việc hành chính để chính quyền luôn luôn thực hiện nghiêm những quy định của một tổ chức công quyền, thực hiện nghiêm túc luật hành chính công.

- Làm cho chính quyền gắn bó mật thiết với nhân dân, dựa vào dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong mọi mặt của đời sống xã hội.

- Tăng cường sự kiểm soát của nhân dân đối với bộ máy tổ chức và cá nhân phụ trách trong chính quyền. Sự kiểm soát chặt chẽ của

nhân dân đối với công việc của chính quyền sẽ làm hạn chế bệnh quan liêu của chính quyền cơ sở.

- Xây dựng bộ máy chính quyền cơ sở trong sạch vững mạnh, giáo dục đội ngũ cán bộ chính quyền cơ sở ngăn ngừa sự tha hoá, biến chất của một số bộ phận cán bộ trong chính quyền cấp cơ sở.

- Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng uỷ cơ sở đối với chính quyền cơ sở, đảm bảo cho chính quyền cơ sở, đảm bảo cho chính quyền cơ sở được phát huy.

a. Dân chủ là tính chất nhà nước. Có 3 ý nghĩa sau:

Thứ nhất, dân chủ trong xã hội đã được tổ chức thành quyền lực nhà nước của giai cấp thống trị. Đó là một tất yếu, phê phán một chế độ dân chủ cũ và xây dựng một chế độ dân chủ mới không thể không thấu triệt sự thật khách quan này.

Thứ hai, dân chủ không thể là hành động theo ý muốn tùy tiện của từng cá nhân cô lập, tự do của người này phá hoại tự do của người kia tạo ra sự chông chéo, hỗn loạn toàn bộ xã hội. Dân chủ phải được triển khai đảm bảo cho mọi người đều có quyền tự do, có lợi ích riêng, nhưng tất cả phải được thực hiện theo yêu cầu phát triển chung của đất nước. Muốn thế thì dân chủ phải có định hướng chung, phải tổ chức thành nhà nước; phải hoạt động theo luật pháp, kỷ cương thống nhất.

Thứ ba, dân chủ phải được tổ chức thành nhà nước, thành quyền lực công nhưng nhà nước ở đây tự nó không có quyền mà được uỷ quyền từ dân (dân uỷ quyền chứ không mất quyền - các nhà nước tư sản không thể làm được như vậy). Đó là sứ mệnh lịch sử của CNXH, sứ mệnh đưa nhân dân đến ấm no, hạnh phúc.

b. Quy chế dân chủ của nhà nước ta góp phần đẩy mạnh hoạt động tự quản

Tổ chức XHCN của chế độ dân chủ vô sản là ở chỗ: một là, các cử tri đều phải là quần chúng lao động; hai là, mọi thủ tục và những hạn chế có tính chất quan liêu đều bị xoá bỏ, quần chúng tự quy định lấy thể thức và thời hạn bầu cử, hoàn toàn có quyền tự do bãi miễn những người mà họ đã bầu ra; ba là,

hình thành một tổ chức quần chúng tốt nhất của đội tiên phong của những người lao động... Làm thế nào để thực sự toàn thể nhân dân đều được làm chủ trong thực tế. Ngoài ra cần xây dựng một chế độ tự quản như là một hình thức của dân chủ vô sản. Từng bước thiết lập được một nền tự quản địa phương hết sức rộng rãi.

Thật vậy, trong suốt tiến trình đi lên của cách mạng Việt Nam, một bài học kinh nghiệm căn bản và xuyên suốt các thời kỳ đó là bài học "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng". Bài học này đã được chính quyền nhà nước ta quán triệt trong phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" và chủ trương thực hành dân chủ trong nhân dân với "Quy chế dân chủ cơ sở" như một sự khẳng định vững chắc rằng người chủ thực sự của đất nước là những người dân, và nó phải xuất phát từ nền móng đầu tiên là cơ sở và không thể có sự phát triển nếu không có sự tham gia của người dân ở cộng đồng dân cư cơ sở với tư cách là người chủ của quá trình phát triển. Sự phát triển của cộng đồng dân cư cơ sở chính là sự phát triển của một người dân trên tâm thế là một công dân của nhà nước Việt Nam dù họ đại diện cho một thể chế chính thống hay không chính thống nào trong xã hội. Chỉ thị 30-CT/TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được cụ thể bằng Nghị định số 29/NĐ-CP ngày 15/5/1998 và Nghị định số 70/NĐ-CP ngày 07/7/2003 ban hành Quy chế dân chủ ở xã thay thế cho Nghị định 29/NĐ-CP là một bước tiến dài trong việc thực thi quyền lực nhà nước; phát huy dân chủ và xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở.

Nội dung của Quy chế dân chủ bao gồm:

Chương I: Những quy định chung về quy chế dân chủ

Chương II: Những việc cần thông báo để nhân dân được biết, gồm 14 loại công việc mà dân cần được thông báo rõ và 6 điều về các hình thức tiến hành thông báo đến dân.

Chương III: Những việc dân bàn và quyết trực tiếp. Trong chương này nêu lên 6 khoản mà nhân dân cần được tham gia trực tiếp đóng góp

ý kiến của mình. Những phân hoạt động này liên quan trực tiếp đến hoạt động sống của cộng đồng dân cư trong thôn, làng, ấp, bản. Nhân dân còn được bàn những khoản họ cần đóng góp và cách thức đóng góp như thế nào để xây dựng quê hương mình, qua đó thể hiện sự lãnh đạo, quản lý sâu sát của Đảng và chính quyền với hoạt động của cộng đồng dân cư cơ sở

Chương IV: Quy chế đề cập đến quy phạm thực hiện những mối liên hệ của nhân dân đối với các cơ quan chính quyền cấp trên. Những quy định này quan tâm rất cụ thể đến những hoạt động cũng như suy nghĩ của người dân

Chương VI: Đề ra những quy định dành cho xây dựng cộng đồng dân cư như quy định xây dựng hương ước, xác định vị trí xã hội mang tính chất chủ chốt trong cơ cấu xã hội xóm thôn. Đây là một sự thể chế hoá pháp luật nhà nước tạo nên một mối quan hệ gắn gũi giữa chính quyền với người dân. Tạo ra một thiết chế chính trị ở cộng đồng dân cư ở cơ sở.

Thông qua văn bản này đã thể hiện quan điểm của nhà nước ta đối với việc phát huy quyền làm chủ của người dân cơ sở, thu hút họ cùng tham gia quản lý, kiểm tra, kiểm soát nhà nước, khắc phục tình trạng quan liêu, mất dân chủ. Quy chế dân chủ ở cơ sở đã quy định những quyền của người dân ở cơ sở, những thông tin liên quan đến chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước, nhất là những thông tin liên quan trực tiếp đến đời sống dân sinh. Đặc biệt, để thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", Quy chế đã quy định cơ chế dân chủ ở cơ sở thực hiện dưới 2 hình thức: Dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện; trong đó dân chủ trực tiếp là quan trọng hơn ở cấp cơ sở, điều này cũng trùng khớp với cơ chế hoạt động tự quản của cộng đồng hay nói đúng hơn là nhà nước đã tạo điều kiện cho hoạt động tự quản ở cơ sở được phát huy thêm hiệu quả; với Quy chế này đã tạo điều kiện nâng cao nhận thức, khuyến khích người dân thực hiện quyền làm chủ, khơi dậy tiềm năng, trí sáng tạo, sức mạnh vật chất và tinh thần của nhân dân để phát triển kinh tế xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống cộng đồng dân cư ở cơ sở.

Như vậy là, Nhà nước ta luôn coi trọng vai trò của nhân dân trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao quyền lợi chính trị của mỗi một người dân. Để người dân thực sự tham gia một cách tích cực, tự nguyện vào công việc chung của xã hội thì phải đặc biệt chú trọng vấn đề dân chủ. Nhà nước ta xác định muốn có dân chủ thì người dân phải biết được mọi việc. Điều này chúng ta đã làm khá tốt do các phương tiện thông tin đại chúng khá phong phú... tuy nhiên đó chỉ là một chiều từ trên xuống, từ ngoài vào còn sự phản hồi của người dân cơ sở thì sao? Để người dân thực sự tham gia vào quá trình phát triển của cộng đồng và của đất nước thì đòi hỏi phải có sự “tự thân” “tự chủ” “tự giác” tức là hoạt động tự quản của chính mỗi một người dân. Ở đây thông tin đầy đủ, kịp thời là rất quan trọng cho đời sống cộng đồng dân cư cơ sở, nhất là những thông tin kinh tế ở cơ sở về quy hoạch sản xuất, kế hoạch chuyển đổi cơ cấu kinh tế (cây trồng, vật nuôi); điều chỉnh đất đai (đất sản xuất và đất ở), chủ trương “dồn điền, đổi thửa” giữa các hộ để tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh theo cơ chế khoán hộ, coi kinh tế hộ gia đình là đơn vị kinh tế cơ bản và tự quản ở cơ sở; kế hoạch mở mang ngành nghề, tạo việc làm, xây dựng các công trình phát triển kinh tế và phục vụ dân sinh; các chủ trương chính sách vay vốn ngân hàng để xóa đói giảm nghèo, các dự án đầu tư tại địa phương và cơ sở, các nguồn vốn huy động, các nguồn hình thành ngân sách xã, hiện trạng thu chi ngân sách... Ngoài những thông tin kinh tế nêu trên, dân còn nhận được thông tin về các vấn đề chính trị - xã hội, nhất là những dự kiến nhân sự trong lãnh đạo, quản lý ở xã được đưa ra để thu thập ý kiến của dân. Nhận biết được thông tin là sự khởi đầu rất quan trọng để cộng đồng dân cư ở cơ sở phát huy hoạt động tự quản trong một môi trường dân chủ.

Bên cạnh đó nhà nước cũng cần quan tâm vấn đề “dân bản”; bản đề đào sâu củng cố; tìm ra những kinh nghiệm, tìm ra phương hướng trên cơ sở những điều đã biết. Để “bản vấn đề nào đó cho thông suốt thì phải có chương

trình, lập kế hoạch trước, nói rõ những ưu nhược, vướng mắc cần giải quyết từ thực tế để dân bàn. Khi người dân cơ sở được bàn bạc, thảo luận và quyết định tập thể bởi sự nhất trí hành động theo đa số. Đó là hoạt động tự quản, quyền dân chủ trực tiếp của dân, nhất là mức đóng góp, mục đích và kế hoạch chi dùng các khoản đó vì lợi ích chung.

Quan trọng hơn là “dân làm”, điều này phải được thể hiện bằng hành động cụ thể, làm sao qua hành động đó bộc lộ được những khả năng, năng lực tự làm của người dân cơ sở với các chương trình của nhà nước. Việc kiểm tra, giám sát công việc nhà nước lại là yếu tố thể hiện rõ tính chủ động tích cực của người dân cộng đồng cơ sở, ở đây dân được cử các đại diện của mình vào việc kiểm tra giám sát, nhất là trong lĩnh vực kinh tế tài chính thông qua các ban thanh tra nhân dân. Ngoài ra, người dân cơ sở cũng có quyền góp ý, kiến nghị, khuyến nghị, khiếu nại với chính quyền cơ sở và các cấp trên về những vấn đề mà chính quyền đưa ra để trưng cầu dân ý trước khi quyết định.

Mặc dù Quy chế dân chủ ở cơ sở cần phải tiếp tục hoàn thiện trong quá trình tổ chức thực hiện, song nó đã phản ánh tư tưởng quyết tâm của nhà nước ta trong thực hiện và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Hơn ai hết, chính người dân ở cộng đồng cơ sở mới hiểu hết hiện trạng mà họ đang sống và họ trần trụi để thoát khỏi hoàn cảnh hiện tại như thế nào. Vì thế, họ mới đưa ra những quyết định trên cơ sở vốn kiến thức bản địa mà cộng đồng đã tích lũy được và thực hiện những kế hoạch đó để làm biến đổi hoàn cảnh của chính họ, tất cả đó là cả quá trình hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư ở cơ sở và quá trình hoạt động đó không thể phát huy tốt nếu thiếu dân chủ, một môi trường dân chủ và thể chế dân chủ lành mạnh do nhà nước đề ra. Do vậy, phát huy dân chủ là yếu tố quan trọng để người dân chủ động đến với các chương trình của địa phương và quốc gia. Một khi người dân được hiểu, được biết, được bàn, được làm và kiểm tra, kiểm soát thì họ sẽ hoạt động tự quản tích cực hơn vào các chương trình của cộng đồng.